

ĐỀ XUẤT BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2026
78. XÃ CHÂU THÀNH

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐỀ XUẤT (đồng/m ²)			
		TỪ	ĐẾN	Giá HNK	Giá CLN	Giá NTS	Giá RSX
PHẦN I. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG							
A	QUỐC LỘ (QL), ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)						
1	ĐT 788 (đoạn qua xã Đồng Khởi)	Ngã 3 Vịnh	Kênh tiêu T13	249.000	325.000	165.000	128.000
		Kênh tiêu T13	Ranh Hảo Đước - Châu Thành	249.000	325.000	165.000	128.000
2	Đường ĐT781 (đoạn đi qua Thái Bình)	Giáp ranh Thành phố Tây Ninh	Ngã 3 Á Đông	136.000	181.000	100.000	78.000
		Ngã 4 Trảng Lớn	Giáp ranh Thị trấn Châu Thành	136.000	181.000	100.000	78.000
3	Quốc lộ 22B (đoạn đi qua xã Đồng Khởi)	Giáp ranh Phường Tân Ninh	Ngã 3 đường liên xã Châu Thành - Phường Bình Minh	249.000	325.000	165.000	128.000
		Ngã 3 đường liên xã Châu Thành - Phường Bình Minh	Cây xăng 94	249.000	325.000	165.000	128.000
		Cây xăng 94	Đường NĐ 36	249.000	325.000	165.000	128.000
		Đường NĐ 36	Kênh TN 17 - 6	249.000	325.000	165.000	128.000
		Kênh TN 17 - 6	Giáp ranh xã Trà Vong	249.000	325.000	165.000	128.000
4	Quốc lộ 22B (đoạn đi qua xã Thái Bình)	Ngã 4 Trảng Lớn	Ngã 3 Á Đông	249.000	325.000	165.000	128.000
		Ngã 3 Á Đông	Giáp ranh phường Tân Ninh	249.000	325.000	165.000	128.000
5	TUYẾN ĐT 781	Vòng xoay xã	Đầu đường Võ Thị Sáu	249.000	325.000	165.000	128.000

		Đầu đường Võ Thị Sáu	Ranh xã Châu Thành - Hào Đức	249.000	325.000	165.000	128.000
B	CÁC ĐƯỜNG KHÁC						
I	Các đường có tên						
1	Đường Bùi Xuân Nguyên	Đường 781	Hoàng Lê Kha	136.000	181.000	100.000	78.000
2	Đường Hương lộ 9 (Huyện 9)	Ranh Thị trấn, Trí Bình	Đường 781	136.000	181.000	100.000	78.000
3	Đường huyện 3	Đường 781 (từ cổng chào Thị trấn)	Kênh TN 17	136.000	181.000	100.000	78.000
		Kênh TN 17	Cổng C SU' 5	249.000	325.000	165.000	128.000
		Cổng C SU' 5	Ngã tư vành đai diệt Mỹ (ngã 3 sọ)	249.000	325.000	165.000	128.000
4	Đường liên xã Trí Bình-TT	Đường 781	Hết đường nhựa (cách Trường mẫu giáo Trí Bình 100 mét)	136.000	181.000	100.000	78.000
5	Đường tránh 781	Phạm Tung	Hoàng Lê Kha	249.000	325.000	165.000	128.000
6	Đường Trung Nữ Vương	Giáp ranh phường Tân Ninh	Giáp Quốc lộ 22B	136.000	181.000	100.000	78.000
7	Đường Trương Văn Chấn	Hoàng Lê Kha	Ranh giữa xã Châu Thành - Hào Đức	136.000	181.000	100.000	78.000
8	ĐƯỜNG TUA II - ĐỒNG KHỞI (Hương lộ 3)	VÒNG xoay xã	Hết Trường THPT Hoàng Văn Thụ	249.000	325.000	165.000	128.000
		Trường THPT Hoàng Văn Thụ	Hết Tổ điện Thái Bình	249.000	325.000	165.000	128.000
		Tổ điện Thái Bình	Ngã 4 vành đai diệt Mỹ (ngã 3 Sọ cũ)	249.000	325.000	165.000	128.000

		Ngã 4 vành đai diệt Mỹ (ngã 3 Sọ cũ)	Giao lộ đường D14 và Hương lộ 3	249.000	325.000	165.000	128.000
9	HOÀNG LÊ KHA (Hương lộ 6 cũ)	Ngã 4 Tam Hạp	Vòng xoay xã Châu Thành	249.000	325.000	165.000	128.000
		Vòng xoay xã Châu Thành	Cách chợ Cao Xá 100 mét	249.000	325.000	165.000	128.000
		Chợ Cao xá và cách chợ Cao xá 100 mét		249.000	325.000	165.000	128.000
		Cách chợ Cao xá 100 mét	Ranh xã Châu Thành - Hào Đức	249.000	325.000	165.000	128.000
10	LÊ THỊ MỚI	Giáp đường Hoàng Lê Kha	Hết nhà thờ Phú Ninh	136.000	181.000	100.000	78.000
		Hết nhà thờ Phú Ninh	Hết đường nhựa Lê Thị Mới	136.000	181.000	100.000	78.000
11	PHẠM TUNG	Ngã 4 Tam Hạp	Ranh xã An Bình	136.000	181.000	100.000	78.000
12	VÕ THỊ SÁU	Từ ĐT 781	Giáp đường Hoàng Lê Kha	249.000	325.000	165.000	128.000
		Giáp đường Hoàng Lê Kha	Hết nhà thờ Cao Xá	249.000	325.000	165.000	128.000
		Hết đường nhựa vào nhà thờ Cao Xá	Cuối đường Võ Thị Sáu	249.000	325.000	165.000	128.000
II	Các đường chưa có tên						
Khu vực thuộc Thị trấn Châu Thành cũ							
1	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải nhựa, bê tông			249.000	325.000	165.000	128.000

2	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất			249.000	325.000	165.000	128.000
3	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải nhựa, bê tông			249.000	325.000	165.000	128.000
4	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất			249.000	325.000	165.000	128.000
5	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải nhựa, bê tông			136.000	181.000	100.000	78.000
6	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất			136.000	181.000	100.000	78.000
Khu vực thuộc xã Đồng Khởi, Thái Bình, An Bình cũ							
1	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải nhựa, bê tông			208.000	245.000	142.000	94.000
2	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất			208.000	245.000	142.000	94.000
3	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải nhựa, bê tông			208.000	245.000	142.000	94.000

4	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất			208.000	245.000	142.000	94.000
5	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải nhựa, bê tông			111.000	137.000	75.000	53.000
6	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất			111.000	137.000	75.000	53.000
PHẦN II. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG KÊNH							
1	Áp dụng giá đất tại phần III						
PHẦN III: VỊ TRÍ KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II							
1	Xã Châu Thành (Thị trấn Châu Thành cũ)			97.000	124.000	72.000	56.000
2	Xã Châu Thành (các xã còn lại)			70.000	89.000	49.000	38.000

ĐỀ XUẤT BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NĂM 2026
78. XÃ CHÂU THÀNH

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ NHÀ NƯỚC HIỆN HÀNH (đồng/m2)	GIÁ ĐỀ XUẤT (đồng/m2)
		TỪ	ĐẾN		
PHẦN I. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG					
A	QUỐC LỘ (QL), ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)				
1	ĐT 788 (đoạn qua xã Đồng Khởi)	Ngã 3 Vĩnh	Kênh tiêu T13	1.680.000	3.936.000
		Kênh tiêu T13	Ranh Hào Đức - Châu Thành	900.000	2.108.000
2	Đường ĐT781 (đoạn đi qua Thái Bình)	Giáp ranh Thành phố Tây Ninh	Ngã 3 Á Đông	6.720.000	15.331.000
		Ngã 4 Trảng Lớn	Giáp ranh Thị trấn Châu Thành	3.900.000	8.000.000
3	Quốc lộ 22B (đoạn đi qua xã Đồng Khởi)	Giáp ranh Phường Tân Ninh	Ngã 3 đường liên xã Châu Thành - Phường Bình Minh	4.080.000	9.308.000
		Ngã 3 đường liên xã Châu Thành - Phường Bình Minh	Cây xăng 94	2.856.000	6.652.000
		Cây xăng 94	Đường NĐ 36	2.160.000	6.000.000
		Đường NĐ 36	Kênh TN 17 - 6	1.560.000	3.654.000
		Kênh TN 17 - 6	Giáp ranh xã Trà Vong	1.476.000	3.582.000
4	Quốc lộ 22B (đoạn đi qua xã Thái Bình)	Ngã 4 Trảng Lớn	Ngã 3 Á Đông	4.752.000	12.400.000
		Ngã 3 Á Đông	Giáp ranh phường Tân Ninh	5.160.000	11.772.000
5	TUYẾN ĐT 781	Vòng xoay xã	Đầu đường Võ Thị Sáu	4.800.000	9.700.000
		Đầu đường Võ Thị Sáu	Ranh xã Châu Thành - Hào Đức	3.600.000	9.132.000
B	CÁC ĐƯỜNG KHÁC				
I	Các đường có tên				
1	Đường Bùi Xuân Nguyễn	Đường 781	Hoàng Lê Kha	2.160.000	6.000.000
2	Đường Hương lộ 9 (Huyện 9)	Ranh Thị trấn, Trí Bình	Đường 781	1.920.000	4.782.000
3	ĐƯỜNG HUYỆN 3	Kênh TN 17	Cổng C SƯ 5		3.450.000
		Cổng C SƯ 5	Ngã tư vành đai diệt Mỹ (ngã 3 sọ)		3.450.000
4	Đường huyện 3 - ODT	Đường 781 (từ cổng chào Thị trấn)	Kênh TN 17	3.000.000	6.855.000
5	Đường liên xã Trí Bình- TT	Đường 781	Hết đường nhựa (cách Trường mẫu	2.160.000	6.000.000

			giáo Trí Bình 100 mét)		
6	Đường tránh 781	Phạm Tung	Hoàng Lê Kha	2.400.000	5.622.000
	Đường Trưng Nữ Vương	Giáp ranh phường Tân Ninh	Giáp Quốc lộ 22B	4.320.000	9.000.000
7	Đường Trương Văn Chấn	Hoàng Lê Kha	Ranh giữa xã Châu Thành - Hào Đức	3.000.000	6.844.000
8	ĐƯỜNG TUA II - ĐỒNG KHỞI (Hương lộ 3)	VÒNG xoay xã	Hết Trường THPT Hoàng Văn Thụ	4.800.000	9.700.000
		Trường THPT Hoàng Văn Thụ	Hết Tổ điện Thái Bình	3.600.000	8.213.000
		Tổ điện Thái Bình	Ngã 4 vành đai diệt Mỹ (ngã 3 Sọ cũ)	2.520.000	6.238.000
		Ngã 4 vành đai diệt Mỹ (ngã 3 Sọ cũ)	Giao lộ đường D14 và Hương lộ 3	1.764.000	4.132.000
9	HOÀNG LÊ KHA (Hương lộ 6 cũ)	Ngã 4 Tam Hạp	Vòng xoay xã Châu Thành	7.200.000	15.757.000
		Vòng xoay xã Châu Thành	Cách chợ Cao Xá 100 mét	9.360.000	20.400.000
		Chợ Cao xá và cách chợ Cao xá 100 mét		11.700.000	25.500.000
		Cách chợ Cao xá 100 mét	Ranh xã Châu Thành - Hào Đức	6.000.000	13.000.000
10	LÊ THỊ MỚI	Giáp đường Hoàng Lê Kha	Hết nhà thờ Phú Ninh	3.660.000	7.124.000
		Hết nhà thờ Phú Ninh	Hết đường nhựa Lê Thị Mới	3.000.000	6.773.000
11	PHẠM TUNG	Ngã 4 Tam Hạp	Ranh xã An Bình	1.800.000	4.217.000
12	VÕ THỊ SÁU	Từ ĐT 781	Giáp đường Hoàng Lê Kha	4.536.000	10.146.000
		Giáp đường Hoàng Lê Kha	Hết nhà thờ Cao Xá	6.480.000	14.784.000
		Hết đường nhựa vào nhà thờ Cao Xá	Cuối đường Võ Thị Sáu	4.536.000	9.700.000
II	Các đường chưa có tên				
Khu vực thuộc Thị trấn Châu Thành cũ					
1	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải nhựa, bê tông				2.027.000
2	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				1.080.000

3	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải nhựa, bê tông				1.465.000
4	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				696.000
5	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải nhựa, bê tông				1.080.000
6	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				582.000
Khu vực thuộc xã Đồng Khởi, Thái Bình, An Bình cũ					
1	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải nhựa, bê tông				1.783.000
2	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				1.022.000
3	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải nhựa, bê tông				1.329.000
4	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				696.000
5	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải nhựa, bê tông				1.022.000
6	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				582.000
PHẦN II. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG KÊNH					
1	Áp dụng giá đất tại phần III				
PHẦN III: VỊ TRÍ KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II					
1	Xã Châu Thành (Thị trấn Châu Thành cũ)				407.000
2	Xã Châu Thành (các xã cũ còn lại)				407.000